*https://doi.org/10.66270/vap26.v14.n3.20*

# CURRENT STATUS OF POLITICAL OFFICERS' PROPAGANDA COMPETENCE IN THE VIETNAM PEOPLE'S ARMY

*Nguyen Van Nhien*
Political Academy, Ministry of National Defence

Received: April 6, 2026
Accepted: May 20, 2026

***Abstract:*** *This article assessed the current propaganda competence of political officers in the Vietnam People's Army. Data collected from 384 political officers and 162 military cadres, non-commissioned officers, and soldiers at four military units showed that political officers' propaganda competence was at a fairly high level (M = 3.43). However, its dimensions were uneven: propaganda knowledge received the highest rating (M = 3.53), followed by propaganda attitudes (M = 3.44), while propaganda skills received the lowest rating (M = 3.32). The study summarized, compared, and analyzed assessments of political officers' propaganda competence by unit of assignment, length of service, and respondent group, comparing political officers with military cadres, non-commissioned officers, and soldiers.*

***Keywords:*** *Competence; Propaganda; Political officers; Vietnam People's Army.*

# THỰC TRẠNG NĂNG LỰC TUYÊN TRUYỀN CỦA CHÍNH TRỊ VIÊN TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM HIỆN NAY

*Nguyễn Văn Nhiên*
Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng.

Ngày nhận bài: 6/4/2026
Ngày duyệt đăng bài: 20/5/2026

***Tóm tắt:*** *Bài viết đánh giá thực trạng năng lực tuyên truyền của chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Dữ liệu thu thập từ 384 chính trị viên và 162 cán bộ quân sự, hạ sĩ quan, binh sĩ ở 4 đơn vị Quân đội, cho thấy năng lực tuyên truyên của chính trị viên ở mức khá cao (ĐTB = 3,43). Tuy nhiên, có sự không đồng đều giữa các mặt biểu hiện: kiến thức tuyên truyền được đánh giá cao nhất (ĐTB = 3,53), thái độ tuyên truyền (ĐTB = 3,44), thấp nhất là kỹ năng tuyên truyền (ĐTB = 3,32), nghiên cứu tiến hành khái quát, so sánh, phân tích kết quả đánh giá thực trạng năng lực tuyên truyền của chính trị viên theo các biến số đơn vị công tác, thâm niên công tác và giữa hai nhóm khách thể nghiên cứu là chính trị viên và cán bộ quân sự, hạ sĩ quan, binh sĩ.*

***Từ khóa:*** *Năng lực; Tuyên truyền; Chính trị viên; Quân đội nhân dân Việt Nam.*

## 1. Đặt vấn đề

Trong hoạt động công tác đảng, công tác chính trị của Quân đội nhân dân Việt Nam, tuyên truyền là một khâu then chốt không chỉ cung cấp thông tin, tri thức chính trị - quân sự cho cán bộ, chiến sĩ mà quan trọng hơn là định hướng tư tưởng, hình thành niềm tin, động cơ và hành vi đúng đắn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Nhất là trong tình hình hiện nay, thế giới đang có những diễn biến to lớn, nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Ở trong nước, Đảng ta chỉ rõ "Một bộ phận tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên suy thoái, thiếu tiên phong, gương mẫu, mất tính đảng, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá", xa rời mục đích, lý tưởng, bản chất của Đảng" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Cùng với đó là sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ số,

trí tuệ nhân tạo, vừa mở ra thời cơ thuận lợi, vừa đặt ra nhiều thách thức đối với công tác tuyên truyền nói chung và công tác tuyên truyền trong Quân đội nói riêng.

Trên lĩnh vực chính trị - tư tưởng, các thế lực thù địch, phản động đẩy mạnh chiến lược "diễn biến hòa bình", thúc đẩy "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", triệt để lợi dụng không gian mạng để chống phá cách mạng nước ta. Một trong những thủ đoạn tinh vi, thâm độc của kẻ thù thường sử dụng là tăng cường tuyên truyền, bóp méo, thổi phồng những hạn chế, khuyết điểm của Đảng và Nhà nước ta, gây ra tâm trạng hoài nghi, chán nản, giảm sút niềm tin ở một bộ phận cán bộ, chiến sĩ. Đồng thời các thế lực thù địch ra sức ngợi ca, truyền bá giá trị và lối sống thực dụng, cá nhân chủ nghĩa phương Tây; cố tình gây kích động, chia rẽ dân tộc, tôn giáo làm mất ổn định về chính trị xã hội ở nước ta. Điều đó trực tiếp tác động đến tâm tư, tình cảm, nhận thức, niềm tin của quần chúng nhân dân trong đó có cán bộ, chiến sĩ trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Đứng trước tình hình đó, đòi hỏi hoạt động tuyên truyền trong Quân đội phải có bước phát triển mới để làm tròn vai trò "mũi nhọn xung kích, vũ khí sắc bén" của mình trong đấu tranh phản tuyên truyền, nâng cao bản lĩnh chính trị, củng cố niềm tin và ý chí quyết tâm trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho cán bộ, chiến sĩ.

Chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam là chủ thể nòng cốt lãnh đạo và tổ chức tiến hành công tác tuyên truyền trong đơn vị, là cầu nối trực tiếp giữa Đảng với cán bộ, chiến sĩ. Do đó, năng lực tuyên truyền giữ vai trò đặc biệt quan trọng, giúp chính trị viên truyền bá, định hướng và thuyết phục bộ đội thấu hiểu, tin tưởng và hành động theo đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của Quân đội, góp phần xây dựng bản lĩnh chính trị, ý chí quyết tâm, tinh thần sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ. Tuy nhiên, thực tiễn hiện nay cho thấy bên cạnh những chính trị viên có năng lực tuyên truyền tốt, nắm được kiến thức, biết vận dụng kỹ năng, kinh nghiệm tuyên truyền vào hoạt động thực tiễn, kịp thời cung cấp thông tin, định hướng tư tưởng và dư luận xã hội, góp phần xây dựng đơn vị vững mạnh về chính trị - tư tưởng, thì vẫn còn một bộ phận chính trị viên tồn tại những hạn chế nhất định như: khả năng nắm bắt, phân tích, xử lý thông tin chưa kịp thời; kỹ năng diễn đạt, lập luận, dẫn chứng chưa thật sự thuyết phục; việc ứng dụng công nghệ, phương tiện truyền thông hiện đại còn hạn chế; một số nội dung, hình thức tuyên truyền còn khô cứng, thiếu hấp dẫn, chưa phù hợp với đặc điểm tâm lý của cán bộ, hạ sĩ quan, binh sĩ… Những bất cập, hạn chế nêu trên đã ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động tuyên truyền và đặt ra yêu cầu phải có những biện pháp phát triển năng lực tuyên truyền cho chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay.

Vấn đề năng lực tuyên truyền đã được một số tác giả trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu với những cách tiếp cận, góp độ khác nhau, góp phần làm rõ nội hàm khái niệm; cấu trúc và các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực này.

Hà Thị Bình Hòa cho rằng: "Năng lực tuyên truyền là tổ hợp các thuộc tính tâm lý độc đáo nhằm đáp ứng được những yêu cầu đặc trưng của hoạt động tuyên truyền và đảm bảo cho họ hoạt động trong lĩnh vực này đạt hiệu quả cao" (Hà Thị Bình Hòa, 2010).

Vũ Minh Thực đã xác định các năng lực thành phần trong năng lực tuyên truyền bao gồm: Năng lực hiểu đối tượng, năng lực xử lý tài liệu, năng lực ngôn ngữ, năng lực giao tiếp, năng lực đối thoại (Vũ Minh Thực, 2016).

Bên cạnh đó, một số tác giả đi sâu phân tích các yếu tố ảnh hưởng cũng như từng thành tố của năng lực tuyên truyền, đặc biệt là kỹ năng tuyên truyền:

Đào Duy Quát xem kỹ năng tuyên truyền bằng lời là khả năng vận dụng tri thức vào thực tiễn nhằm thuyết phục người nghe thông qua lời nói trực tiếp (Đào Duy Quát, 2000).

Nguyễn Hoàn Lân nhấn mạnh: "Kỹ năng tuyên truyền là năng lực vận dụng những tri thức, kỹ xảo, kinh nghiệm tuyên truyền đã có của chủ thể để tiến hành tuyên truyền phù hợp với những điều kiện, hoàn cảnh và đối tượng cụ thể nhằm đạt được mục đích tuyên truyền đã đề ra" (Nguyễn Hoàn Lân, 2008).

Đinh Thị Mai quan niệm: "Kỹ năng tuyên truyền bằng lời là sự vận dụng tri thức, kinh nghiệm hoạt động tuyên truyền bằng lời của người tuyên truyền để thực hiện có kết quả hành động tác động bằng lời nói trực tiếp tới người được tuyên truyền trong điều kiện và hoàn cảnh cụ thể nhằm thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi của họ theo mục đích nhất định" (Đinh Thị Mai, 2013).

Бимбасов Р.Г. cho rằng, năng lực tuyên truyền là một dạng năng lực hoạt động chính trị - xã hội đặc thù, phản ánh khả năng của chủ thể trong tổ chức và thực hiện tác động tâm lý có mục đích nhằm định hướng nhận thức, thái độ, niềm tin và hành vi của quần chúng theo những giá trị tư tưởng xác định (Бимбасов Р.Г., 2020).

Большаков С. Н. và Коваленко, Н. П. đi sâu nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực tuyên truyền, Các tác giả cho rằng, năng lực tuyên truyền chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm ý thức quần chúng; các cơ chế tác động tâm lý, cùng với uy tín của chủ thể tuyên truyền và đặc điểm nội dung, hình thức thông tin (Большаков С. Н. & Коваленко, Н. П., 2012).

Trên cơ sở kế thừa các kết quả nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước chúng tôi đưa ra quan niệm: Năng lực tuyên truyền của chính trị viên là tổ hợp các thành tố kiến thức, thái độ và kỹ năng của chính trị viên phù hợp với yêu cầu của hoạt động tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, thái độ, hành vi của cán bộ, chiến sĩ đáp ứng với mục tiêu, yêu cầu xây dựng quân đội. Năng lực tuyên truyền của chính trị viên được tạo thành từ các thành tố kiến thức tuyên truyền, thái độ tuyên truyền và kỹ năng tuyên truyền, bảo đảm cho chính trị viên thực hiện hiệu quả hoạt động tuyên truyền. Năng lực tuyên truyền của chính trị viên được biểu hiện trên các mặt: Kiến thức tuyên truyền, thái độ tuyên truyền và kỹ năng tuyên truyền.

## 2. Mẫu và phương pháp nghiên cứu

### *2.1. Mẫu nghiên cứu*

Để đánh giá thực trạng năng lực tuyên truyền của chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay, chúng tôi đã tiến hành khảo sát bằng phiếu điều tra trên 2 nhóm khách thể là 384 chính trị viên và 162 cán bộ quân sự, hạ sĩ quan, binh sĩ ở 4 đơn vị trong quân đội, bao gồm: Quân khu 9; Quân chủng Phòng không - Không quân; Quân chủng Hải quân và Binh chủng Đặc công.

### *2.2. Công cụ và phương pháp và nghiên cứu*

#### *2.2.1. Công cụ nghiên cứu*

Bảng hỏi được xây dựng bởi 60 item. Cụ thể:

(1) Khảo sát, lấy ý kiến về thực trạng kiến thức tuyên truyền của chính trị viên gồm 20 item; được chia thành 5 nhóm kiến thức tuyên truyền (NT1-NT5);

(2) Khảo sát, lấy ý kiến về thực trạng thái độ tuyên truyền của chính trị viên gồm 20 item; được chia thành 5 nhóm thái độ tuyên truyền (TĐ1-TĐ5);

3) Khảo sát, lấy ý kiến về thực trạng kỹ năng tuyên truyền của chính trị viên, gồm 20 item; được chia thành 5 nhóm kỹ năng tuyên truyền (KN1-KN5);

Để có căn cứ để đánh giá các nội dung khảo sát, chúng tôi đã xác định thang điểm đánh giá, mỗi Item có điểm thấp nhất là 1 và điểm cao nhất là 5. Sau khi xử lý số liệu bằng phần mềm thống kê SPSS 26.0, căn cứ vào điểm trung bình của từng Item và toàn thang đo để đánh giá thực trạng năng lực tuyên truyền của chính trị viên. Việc chia khoảng thang đánh giá được thực hiện theo công thức:

Giá trị khoảng cách = (Maximum - Minimum) /n = (5 -1)/5 = 0,8.

Theo đó, 5 mức độ thang đo sẽ ứng với những khoảng giá trị như sau:

1,00 ≤ Năng lực tuyên truyền rất thấp ≤ 1,80.

1,80 < Năng lực tuyên truyền thấp ≤ 2,60.

2,60 < Năng lực tuyên truyền trung bình ≤ 3,40.

3,40 < Năng lực tuyên truyền khá cao ≤ 4,20.

4,20 < Năng lực tuyên truyền rất cao ≤ 5,00.

Từ cách chia khoảng thang như trên, lấy giá trị điểm trung bình trong kết quả đạt được ở mỗi nội dung điều tra áp vào thang đo cho ta biết giá trị của nội dung đó ở mức nào.

*2.2.2. Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng*

Chúng tôi sử dụng kết hợp nhiều phương pháp trong đánh giá thực trạng năng lực tuyên truyền của chính trị viên, như: xin ý kiến chuyên gia, quan sát, phỏng vấn và điều tra bằng bảng hỏi. Trong đó, bảng hỏi được xây dựng trên cơ sở phân tích, tổng hợp các tài liệu lý luận và các kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến năng lực tuyên truyền.

Trước khi tiến hành khảo sát chính thức, nhóm nghiên cứu đã thực hiện điều tra thử nghiệm trên 119 khách thể nhằm kiểm định độ tin cậy của công cụ nghiên cứu. Dữ liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm SPSS 26.0. Kết quả phân tích cho thấy hệ số Cronbach's Alpha toàn thang đo đạt 0,884, thể hiện mức độ tin cậy cao. Các thang đo thành phần đều có nội dung rõ ràng, phù hợp với mục tiêu nghiên cứu. Đồng thời, hệ số tương quan biến tổng (Corrected Item-Total Correlation) của các Item đều có trị số > 0,4, cho thấy các biến quan sát đều đạt yêu cầu và có sự tương quan chặt chẽ với tổng thang đo.

Kết hợp với phân tích nhân tố khám phá (EFA) cho thấy thang đo đạt độ tin cậy và giá trị tốt với KMO = 0,871 và Sig. = 0,000. Ba nhân tố được trích với tổng phương sai giải thích đạt 72,298%. Các biến quan sát có hệ số tải cao (> 0,7) và không xuất hiện tải chéo, cho thấy giá trị hội tụ và phân biệt tốt. Cấu trúc nhân tố phù hợp với mô hình lý thuyết gồm hiểu biết, thái độ và kỹ năng.

Tóm lại, những kết quả này khẳng định bộ công cụ khảo sát bảo đảm độ tin cậy và giá trị cần thiết để sử dụng trong điều tra chính thức nhằm đánh giá thực trạng năng lực tuyên truyền của chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay.

## 3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

### *3.1. Kết quả nghiên cứu*

*3.1.1. Đánh giá thực trạng năng lực tuyên truyền của chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay*

Thực trạng năng lực tuyên truyền của chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam được chúng tôi tiến hành tổng hợp và được thể hiện thông qua bảng sau:

**Bảng 1.** Kết quả đánh giá thực trạng năng lực tuyên truyền của chính trị viên

| | | Kiến thức tuyên truyền | Thái độ tuyên truyền | Kỹ năng tuyên truyền | Năng lực tuyên truyền |
|---|---|---|---|---|---|
| N | Hợp lệ | 546 | 546 | 546 | 546 |
| | Giá trị khuyết | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Giá trị trung bình | | 3,53 | 3,44 | 3,32 | 3,43 |
| Độ lệch chuẩn | | 0,57 | 0,54 | 0,47 | 0,32 |

Kết quả ở bảng 2 cho thấy, năng lực tuyên truyền của chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam được đánh giá ở mức khá cao (ĐTB = 3,43; ĐLC = 0,32). Xét theo các mặt biểu hiện của năng lực tuyên truyền, kết quả cho thấy có sự khác biệt nhất định giữa các mặt biểu hiện. Trong đó, kiến thức tuyên truyền được đánh giá cao nhất (ĐTB = 3,53; ĐLC = 0,57); tiếp đến là thái độ tuyên truyền (ĐTB = 3,44; ĐLC = 0,54); thấp nhất là kỹ năng tuyên truyền (ĐTB = 3,32; ĐLC = 0,47). Mặc dù điểm trung bình chung của năng lực tuyên truyền được đánh giá ở mức cao, song mức độ biểu hiện của các mặt chưa thực sự đồng đều. Cụ thể, kiến thức tuyên truyền và thái độ tuyên truyền đều được đánh giá ở mức cao, trong khi kỹ năng tuyên truyền chỉ đạt mức trung bình. Điều này cho thấy, bên cạnh những ưu điểm về nhận thức và thái độ tuyên truyền, thì kỹ năng tuyên truyền của chính trị viên vẫn còn có những hạn chế nhất định.

*3.1.2. So sánh năng lực tuyên truyền của chính trị viên theo các biến số*

*- So sánh năng lực tuyên truyền của chính trị viên theo đơn vị công tác*

Để so sánh năng lực tuyên truyền của chính trị viên theo nhóm đơn vị công tác, chúng tôi sử dụng kiểm định One - Way ANOVA, kết quả thu được thể hiện ở bảng sau:

**Bảng 2.** So sánh năng lực tuyên truyền của chính trị viên theo đơn vị công tác

| (I) Đơn vị | (J) Đơn vị | Khác biệt ĐTB (I-J) | ĐTB | Chỉ số ý nghĩa | | | Kết luận |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | P (Levene) | P (ANOVA) | P (Post Hoc Test) | |
| Quân khu 9 | Quân chủng Phòng không - Không quân | 0,05153 | 3,4406 | 0,287 | 0,262 | 0,250 | Không khác biệt |
| | Quân chủng Hải quân | 0,13446 | | | | 0,198 | Không khác biệt |
| | Binh chủng Đặc công | -0,01178 | | | | 0,176 | Không khác biệt |
| Quân chủng Phòng không - Không quân | Quân khu 9 | -0,05153 | 3,4370 | | | 0,250 | Không khác biệt |
| | Quân chủng Hải quân | 0,08293 | | | | 0,249 | Không khác biệt |
| | Binh chủng Đặc công | -0,06330 | | | | 0,176 | Không khác biệt |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Quân chủng Hải quân | Quân khu 9 | -0,13446 | 3,4408 | | | 0,198 | Không khác biệt |
| | Quân chủng Phòng không - Không quân | -0,08293 | | | | 0,248 | Không khác biệt |
| | Binh chủng Đặc công | -0,14624 | | | | 0,174 | Không khác biệt |
| Binh chủng Đặc công | Quân khu 9 | 0,05153 | 3,4388 | | | 0,276 | Không khác biệt |
| | Quân chủng Phòng không - Không quân | 0,13446 | | | | 0,176 | Không khác biệt |
| | Quân chủng Hải quân | -0,01178 | | | | 0,174 | Không khác biệt |

Kết quả ở bảng trên cho thấy năng lực tuyên truyền của chính trị viên tại bốn đơn vị quân đội đều được đánh giá ở mức cao. Để xem xét sự khác biệt về năng lực tuyên truyền giữa các đơn vị, chúng tôi tiến hành kiểm định One-way ANOVA. Kết quả kiểm định Levene cho thấy giá trị Sig. = 0,287 (> 0,05), chứng tỏ phương sai giữa các nhóm là đồng nhất, bảo đảm điều kiện để thực hiện phân tích ANOVA. Kết quả trong bảng ANOVA có Sig. = 0,262 (> 0,05), cho thấy không tồn tại sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về năng lực tuyên truyền của chính trị viên giữa các đơn vị được khảo sát. Để kiểm tra sâu hơn, chúng tôi tiếp tục thực hiện kiểm định Post Hoc Test; kết quả cho thấy các giá trị Sig. dao động từ 0,174 ÷ 0,276 (đều > 0,05), tiếp tục khẳng định không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm. Như vậy, có thể khẳng định rằng năng lực tuyên truyền của chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam về cơ bản là tương đương giữa các đơn vị công tác khác nhau. Điều này cho thấy chính trị viên ở các đơn vị quân đội có sự tương đồng về mức độ năng lực tuyên truyền.

- *So sánh năng lực tuyên truyền theo thâm niên công tác*

Để so sánh thực trạng năng lực tuyên truyền của chính trị viên theo thâm niên công tác, chúng tôi sử dụng kiểm định One - Way ANOVA, kết quả được thể hiện ở bảng sau:

**Bảng 3.** So sánh năng lực tuyên truyền của chính trị viên theo thâm niên công tác

| **(I) Thâm niên công tác** | **(J) Thâm niên công tác** | **Khác biệt ĐTB (I-J)** | **ĐTB** | **Chỉ số ý nghĩa** | | | **Kết luận** |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | **P (Levene)** | **P (ANOVA)** | **P (Post Hoc Test)** | |
| Dưới 2 năm | Từ 2 đến dưới 4 năm | -0,08108 | 3,33 | 0,181 | 0,002 | 0,158 | Không khác biệt |
| | Từ 4 đến dưới 7 năm | -0,14153* | | | | 0,013 | Có sự khác biệt |
| | Trên 7 năm | -0,21213* | | | | 0,000 | Có sự khác biệt |
| Từ 2 đến dưới 4 năm | Dưới 2 năm | 0,08108 | 3,41 | | | 0,158 | Không khác biệt |
| | Từ 4 đến dưới 7 năm | -0,06045 | | | | 0,290 | Không khác biệt |
| | Trên 7 năm | -0,13105* | | | | 0,023 | Có sự khác biệt |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Từ 4 đến dưới 7 năm | Dưới 2 năm | 0,14153* | 3,47 | | | 0,013 | Có sự khác biệt |
| | Từ 2 đến dưới 4 năm | 0,06045 | | | | 0,290 | Không khác biệt |
| | Trên 7 năm | -0,07060 | | | | 0,215 | Không khác biệt |
| Trên 7 năm | Dưới 2 năm | 0,21213* | 3,54 | | | 0,000 | Có sự khác biệt |
| | Từ 2 đến dưới 4 năm | 0,13105* | | | | 0,023 | Có sự khác biệt |
| | Từ 4 đến dưới 7 năm | 0,07060 | | | | 0,215 | Không khác biệt |

Kết quả ở bảng 3 cho thấy giá trị kiểm định Levene có Sig. = 0,181 (> 0,05), chứng tỏ phương sai giữa các nhóm thâm niên công tác là đồng nhất, đáp ứng điều kiện để thực hiện phân tích phương sai một yếu tố (One-way ANOVA). Kết quả phân tích ANOVA cho thấy giá trị Sig. = 0,002 (< 0,05), khẳng định có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về năng lực tuyên truyền giữa các nhóm chính trị viên có thâm niên công tác khác nhau. Để xác định cụ thể sự khác biệt giữa các nhóm, nghiên cứu tiếp tục thực hiện kiểm định Post Hoc Test. Kết quả cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về năng lực tuyên truyền giữa nhóm chính trị viên có thâm niên dưới 2 năm với nhóm có thâm niên từ 4 đến dưới 7 năm (Sig. = 0,013 < 0,05) và nhóm có thâm niên trên 7 năm (Sig. = 0,000 < 0,05); đồng thời cũng xuất hiện sự khác biệt giữa nhóm có thâm niên từ 2 đến dưới 4 năm với nhóm có thâm niên trên 7 năm (Sig. = 0,023 < 0,05). Sự khác biệt này có thể được lý giải bởi đặc thù của hoạt động tuyên truyền trong quân đội. Đây là quá trình đòi hỏi sự tích lũy dần về tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và kinh nghiệm thực tiễn, đồng thời gắn liền với sự hình thành và phát triển các yếu tố tâm lý như cảm xúc, tình cảm, nhu cầu, hứng thú và niềm tin đối với hoạt động tuyên truyền. Do đó, chính trị viên có thâm niên công tác càng cao thì càng có nhiều cơ hội rèn luyện, trải nghiệm và tích lũy kinh nghiệm, từ đó năng lực tuyên truyền cũng được phát triển ở mức cao hơn.

*- So sánh thực trạng năng lực tuyên truyền của chính trị viên theo kết quả khảo sát của cán bộ quân sự, hạ sĩ quan, binh sĩ với chính trị viên*

Để so sánh thực trạng năng lực tuyên truyền của chính trị viên theo đánh giá của cán bộ quân sự, hạ sĩ quan, binh sĩ với chính trị viên, chúng tôi tiến hành kiểm định Independent Samples Test T-Test, kết quả thu được ở bảng sau:

**Bảng 4.** So sánh thực trạng năng lực tuyên truyền của chính trị viên theo kết quả khảo sát của cán bộ quân sự, hạ sĩ quan, binh sĩ với chính trị viên

Thống kê theo nhóm

| | **Nhóm khách thể** | **N** | **Giá trị trung bình** | **ĐLC** | **Sai số chuẩn của giá trị trung bình** |
|---|---|---|---|---|---|
| Năng lực tuyên truyền | Chính trị viên | 384 | 3,4393 | 0,41759 | 0,02047 |
| | Cán bộ quân sự, Hạ sĩ quan, binh sĩ | 162 | 3,3703 | 0,58873 | 0,04976 |

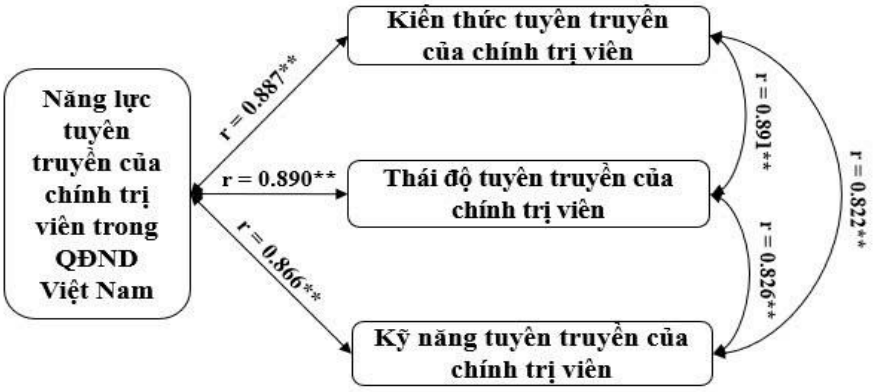
Kiểm định mẫu độc lập

| | | **Kiểm định Levene về tính đồng nhất phương sai** | | **Kiểm định t so sánh giá trị trung bình giữa hai nhóm** | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | **F** | **Sig.** | **t** | **df** | **Mức ý nghĩa thống kê (hai phía)** | **Chênh lệch giá trị trung bình** | **Sai số chuẩn của chênh lệch trung bình** | **Khoảng tin cậy 95% của chênh lệch trung bình** | |
| | | | | | | | | | **Giới hạn dưới** | **Giới hạn trên** |
| Năng lực tuyên truyền | Giả định phương sai hai nhóm là đồng nhất | 47,708 | 0,000 | 1,514 | 544 | 0,131 | 0,06899 | 0,04558 | -0,02054 | 0,15851 |
| | Không giả định phương sai hai nhóm đồng nhất | | | 1,282 | 188,248 | 0,201 | 0,06899 | 0,05380 | -0,03715 | 0,17512 |

Kết quả ở bảng 4 cho thấy giá trị Sig của kiểm định F = 0,00 (< 0,05), phản ánh sự khác biệt về phương sai giữa hai nhóm khách thể là chính trị viên và cán bộ quân sự, hạ sĩ quan, binh sĩ. Tuy nhiên, kết quả kiểm định t cho thấy Sig. = 0,201 (> 0,05), chứng tỏ không tồn tại sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa kết quả tự đánh giá của chính trị viên và đánh giá của cán bộ quân sự, hạ sĩ quan, binh sĩ đối với năng lực tuyên truyền của chính trị viên. Cụ thể, chính trị viên tự đánh giá năng lực tuyên truyền của mình với điểm trung bình đạt 3,44, trong khi cán bộ quân sự, hạ sĩ quan, binh sĩ đánh giá ở mức điểm trung bình là 3,37. Mặc dù có sự chênh lệch nhỏ về điểm trung bình giữa hai nhóm khách thể, nhưng sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê. Như vậy, có thể khẳng định rằng kết quả đánh giá về năng lực tuyên truyền của chính trị viên giữa hai nhóm khách thể là tương đối thống nhất. Điều này góp phần khẳng định tính khách quan và độ tin cậy của các kết quả nghiên cứu về thực trạng năng lực tuyên truyền của chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay.

*3.1.3. So sánh mối tương quan các mặt biểu hiện năng lực tuyên truyền của chính trị viên theo kết quả khảo sát*

Đánh giá mối tương quan giữa các mặt biểu hiện năng lực tuyên truyền của chính trị viên, chúng tôi sử dụng hệ số tương quan Pearson (r). Kết quả được khái quát trong sơ đồ sau:




**Sơ đồ 1.** Tương quan giữa các mặt biểu hiện năng lực tuyên truyền của chính trị viên

Kết quả ở sơ đồ 1 cho thấy ba mặt biểu hiện của năng lực tuyên truyền của chính trị viên có mối tương quan thuận và rất chặt chẽ với nhau, với hệ số tương quan dao động từ r = 0,822 ÷ 0,891. Đồng thời, kết quả phân tích cũng cho thấy các mặt biểu hiện của năng lực tuyên truyền đều có tương quan thuận và rất chặt chẽ với năng lực tuyên truyền của chính trị viên, với hệ số tương quan từ r = 0,866 ÷ 0,890. Những kết quả này cho thấy ba mặt biểu hiện của năng lực tuyên truyền có mối quan hệ mật thiết, tác động qua lại và cùng tham gia chi phối năng lực tuyên truyền của chính trị viên. Nói cách khác, sự thay đổi về mức độ biểu hiện của bất kỳ mặt nào cũng có thể dẫn đến sự thay đổi tương ứng ở các mặt còn lại cũng như ở năng lực tuyên truyền của chính trị viên. Kết quả nghiên cứu này góp phần khẳng định tính hợp lý, khoa học và độ tin cậy của mô hình nghiên cứu lý thuyết về các mặt biểu hiện của năng lực tuyên truyền của chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay.

### *3.2. Thảo luận*

Kết quả nghiên cứu cho thấy năng lực tuyên truyền của chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam được đánh giá ở mức khá cao (ĐTB = 3,43). Điều này phản ánh thực trạng đội ngũ chính trị viên có kiến thức, thái độ, kỹ năng tuyên truyền khá tốt. Kết quả này phù hợp với yêu cầu của công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội, nơi hoạt động tuyên truyền giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong định hướng tư tưởng, củng cố niềm tin và nâng cao bản lĩnh chính trị cho bộ đội.

Tuy nhiên, khi phân tích theo từng mặt biểu hiện, nhận thấy sự phát triển chưa đồng đều giữa các thành tố của năng lực tuyên truyền. Trong đó, kiến thức tuyên truyền được đánh giá cao nhất, tiếp đến là thái độ, trong khi kỹ năng tuyên truyền có mức điểm thấp nhất và chỉ đạt mức trung bình. Kết quả này, đặt ra những yêu cầu trong việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chính trị viên phải chuyển mạnh từ "trang bị kiến thức" sang "phát triển năng lực thực hành". Cụ thể, quá trình đào tạo, bồi dưỡng chính trị viên cần tăng cường các hình thức huấn luyện gắn với thực tiễn như: diễn tập tình huống tuyên truyền, thực hành xử lý các tình huống tư tưởng nảy sinh trong đơn vị, tổ chức các hoạt động tuyên truyền mẫu, xây dựng mô hình "Câu lạc bộ chính trị viên trẻ"; "Diễn đàn tuyên truyền số"cũng như cơ chế kèm cặp, hướng dẫn bởi những chính trị viên có kinh nghiệm. Cùng với đó là khắc phục triệt để những hạn chế trong Kết luận số 72-KL/QUTW ngày 25/10/2025 đã nêu: Việc cung cấp, cập nhật thông tin cho báo cáo viên ở một số đơn vị đặc thù còn gặp nhiều khó khăn; công tác đảm bảo cơ sở vật chất, tài liệu, trang thiết bị cho công tác tuyên truyền và hoạt động báo cáo viên chưa đồng bộ, có mặt chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng Quân đội (Quân uỷ Trung ương, 2025).

Kết quả so sánh theo đơn vị công tác cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về năng lực tuyên truyền giữa các nhóm đơn vị. Điều này phản ánh tính thống nhất tương đối cao trong công tác đào tạo, bồi dưỡng và tổ chức hoạt động tuyên truyền trong toàn quân. Có thể lý giải rằng hệ thống chương trình, nội dung giáo dục chính trị và quy định về chức trách, nhiệm vụ của chính trị viên được triển khai tương đối đồng bộ giữa các đơn vị, qua đó góp phần tạo nên sự tương đồng về mức độ năng lực tuyên truyền. Đồng thời, môi trường quân sự với tính kỷ luật cao và cơ chế quản lý tập trung cũng là yếu tố làm giảm sự phân hóa về năng lực tuyên truyền giữa các đơn vị.

Ngược lại, khi xét theo thâm niên công tác, kết quả nghiên cứu đã chỉ ra sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm. Cụ thể, nhóm chính trị viên có thâm niên cao (đặc biệt trên 7 năm) có năng lực tuyên truyền cao hơn rõ rệt so với nhóm có thâm niên thấp. Kết quả này phù hợp với quy luật phát triển năng lực trong tâm lý học hoạt động. Theo đó năng lực chỉ được hình thành và phát triển thông qua quá trình hoạt động, tích lũy kinh nghiệm và rèn luyện lâu dài trong thực tiễn. Hoạt động tuyên truyền trong Quân đội không chỉ là quá trình truyền đạt thông tin mà còn là quá trình tác động tâm lý sâu sắc đến người nghe, đòi hỏi sự tinh tế, linh hoạt và khả năng thích ứng cao, những yếu tố chỉ có thể được củng cố thông qua trải nghiệm thực tế. Do đó, thâm niên công tác trở thành một biến số quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển năng lực tuyên truyền của chính trị viên. Kết quả nghiên cứu, đặt ra những yêu cầu trong công tác bổ nhiệm và sử dụng cán bộ phải gắn chặt tiêu chí thâm niên với mức độ phát triển năng lực. Những vị trí có yêu cầu cao về công tác tư tưởng, tuyên truyền ở đơn vị phức tạp, nhạy cảm nên ưu tiên bố trí các chính trị viên có thâm niên và kinh nghiệm thực tiễn phong phú. Ngược lại, đối với chính trị viên trẻ, mới đảm nhiệm chức trách, cần có lộ trình sử dụng phù hợp, bố trí ở môi trường có mức độ phức tạp vừa phải, đồng thời tạo điều kiện để họ được rèn luyện, tích luỹ kinh nghiệm để phát triển năng lực của bản thân.

Kết quả so sánh giữa tự đánh giá của chính trị viên và đánh giá của cán bộ quân sự, hạ sĩ quan, binh sĩ cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Điều này chứng tỏ mức độ thống nhất tương đối cao giữa nhận thức chủ quan và đánh giá khách quan về năng lực tuyên truyền. Từ góc độ phương pháp luận, đây là một chỉ báo quan trọng về độ tin cậy và tính khách quan của dữ liệu nghiên cứu. Đồng thời, kết quả này cũng cho thấy chính trị viên có khả năng tự nhận thức tương đối chính xác về năng lực của bản thân, đây là yếu tố quan trọng trong tự điều chỉnh và phát triển năng lực nghề nghiệp.

Phân tích tương quan cho thấy các mặt biểu hiện của năng lực tuyên truyền có mối quan hệ thuận và rất chặt chẽ với nhau. Điều này khẳng định tính cấu trúc của năng lực tuyên truyền như một chỉnh thể thống nhất, trong đó kiến thức, thái độ và kỹ năng không tồn tại độc lập mà có sự tác động qua lại lẫn nhau. Kết quả này phù hợp với các quan điểm lý thuyết về năng lực trong tâm lý học hiện đại, coi năng lực là một hệ thống tích hợp các thành tố kiến thức, thái độ và kỹ năng. Đặc biệt, hệ số tương quan rất cao cũng góp phần củng cố tính hợp lý của mô hình lý thuyết mà nghiên cứu đã đề xuất.

## 4. Kết luận

Nghiên cứu xác định năng lực tuyên truyền của chính trị viên là tổ hợp các thành tố kiến thức, thái độ và kỹ năng nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao nhận thức, thái độ và hành vi của bộ đội. Kết quả cho thấy, năng lực tuyên truyền của chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay đã đạt mức khá cao, song vẫn tồn tại những hạn chế nhất định, đặc biệt ở phương diện kỹ năng. Đồng thời, sự phát triển năng lực chịu ảnh hưởng rõ rệt của yếu tố kinh nghiệm thực tiễn (thâm niên công tác), trong khi ít chịu tác động bởi sự khác biệt về đơn vị công tác. Những phát hiện này không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận trong việc làm rõ cấu trúc và cơ chế

phát triển năng lực tuyên truyền, mà còn có giá trị thực tiễn trong việc đề xuất các biện pháp phát triển năng lực tuyên truyền cho chính trị viên trong giai đoạn hiện nay.

Tác giả cam kết toàn bộ dữ liệu và kết quả được trình bày trong bài báo là trung thực, khách quan, không sao chép, không bị chi phối bởi các lợi ích riêng; không tồn tại bất kỳ xung đột lợi ích nào liên quan đến nghiên cứu và công bố bài báo. Tác giả không nhận tài trợ tài chính hoặc lợi ích vật chất từ bất kỳ tổ chức, cá nhân nào có thể ảnh hưởng đến kết quả nghiên cứu. Tác giả chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung và tính khoa học của bài báo.

Bài viết đã cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn về năng lực tuyên truyền của chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Năng lực tuyên truyền được biểu hiện thông qua các thành tố kiến thức, thái độ và kỹ năng tuyên truyền. Kết quả nghiên cứu cho thấy đây là một năng lực quan trọng nhưng còn tồn tại những hạn chế nhất định ở một bộ phận chủ thể nghiên cứu. Đồng thời, nghiên cứu đã xác định một số nhóm có sự khác biệt đáng chú ý về mức độ năng lực, như theo thâm niên công tác và kinh nghiệm thực tiễn.

Bài viết còn một số hạn chế nhất định như: mẫu khảo sát chủ yếu được thu thập tại một số đơn vị trong Quân đội nhân dân Việt Nam, chưa bao quát đầy đủ các loại hình đơn vị và vùng miền khác nhau, do đó khả năng khái quát hóa kết quả nghiên cứu còn hạn chế; nghiên cứu mới tập trung xem xét một số yếu tố cơ bản như thâm niên công tác, đơn vị công tác, trong khi các yếu tố khác như chức vụ, trình độ đào tạo, loại hình đào tạo, đặc điểm cá nhân và các điều kiện bảo đảm hoạt động tuyên truyền chưa được kiểm soát đầy đủ. Những hạn chế này gợi mở hướng nghiên cứu tiếp theo nhằm làm rõ hơn các yếu tố ảnh hưởng và nâng cao giá trị ứng dụng của kết quả nghiên cứu.

## Tài liệu tham khảo

### *Tài liệu tiếng Việt*

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026). *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, tập II*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

2. Hà Thị Bình Hoà (2010). *Tâm lý học tuyên truyền*. Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

3. Nguyễn Hoàng Lân (2008). Nghiên cứu kỹ năng tuyên truyền của cán bộ chính trị đơn vị cơ sở quân đội nhân dân Việt Nam. *Luận án tiến sĩ Tâm lý học*, Học viện Chính trị quân sự, Hà Nội.

4. Đinh Thị Mai (2013). Kỹ năng tuyên truyền bằng lời tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức của báo cáo viên. *Luận án tiến sĩ Tâm lý học*, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

5. Đào Duy Quát (2000). *Công tác tư tưởng - Văn hóa cấp huyện*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

6. Quân uỷ Trung ương (2025). *Kết luận số 72-KL/QUTW ngày 25/10/2025 của Ban thường vụ Quân uỷ Trung ương về tiếp tục thực hiện đề án "Đổi mới công tác tuyên truyền miệng và hoạt động báo cáo viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam đến năm 2025 và những năm tiếp theo"*. Hà Nội.

7. Vũ Minh Thực (2016). *Nghệ thuật và kỹ năng nghiệp vụ tuyên truyền miệng trong quân đội nhân dân Việt Nam*. Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

### *Tài liệu tiếng Nga*

8. Бимбасов Р.Г. (2020). "Организация устной пропаганды и агитации в годы Великой Отечественной войны (на материалах Северной Осетии)". *Вестник РУДН. Серия: История России, 19*(2), 361-373.

9. Большаков С. Н. & Коваленко Н. П. (2012). *Психология массовых коммуникаций* : учебное пособие. Санкт-Петербургский государственный университет. Санкт-Петербург.